|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /BC-BCT | Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2020 |

**BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ**

**THƯƠNG MẠI THÁNG 4 VÀ 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**

Tính đến cuối tháng 4/2020, dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nặng nề tới hầu hết các nền kinh tế trên thế giới, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam như: Mỹ, EU, Nhật Bản, ASEAN. Đến nay, đại dịch đã lan ra hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Để kiểm soát dịch bệnh, nhiều quốc gia đã thực hiện phong tỏa thành phố, giãn cách xã hội tạm thời khiến cho hoạt động giao thương, sản xuất kinh doanh bị đình trệ, ảnh hưởng đến nguồn cung và nhu cầu tiêu thụ ở hầu hết mọi lĩnh vực của nền kinh tế.

Trước diễn biến hết sức nhanh và phức tạp của dịch Covid-19, nhiều tổ chức quốc tế đã đồng loạt đưa ra điều chỉnh dự báo về tăng trưởng kinh tế toàn cầu (khác với những nhận định/dự báo trước đây, khi dịch bệnh chủ yếu tập trung ở Trung Quốc). Ngày 14 tháng 4 năm 2020, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã công bố báo cáo mới nhất cho biết kinh tế toàn cầu có thể phải trải qua cuộc khủng hoảng tài chính tồi tệ nhất kể từ cuộc Đại suy thoái diễn ra vào những năm 1930, khi nhiều nước phải vật lộn để chống đại dịch Covid-19. Theo đó, IMF dự báo nền kinh tế toàn cầu sẽ giảm 3% trong năm 2020, giảm 6,3 điểm phần trăm so với dự báo tháng 1/2020. Trong đó, nền kinh tế Mỹ sẽ giảm 5,9% trong năm 2020, khu vực đồng tiền chung euro giảm 7,5%, và Nhật Bản giảm 5,2%. IMF ước tính đại dịch Covid-19 có thể khiến Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn cầu thiệt hại 9.000 tỷ USD, lớn hơn GDP của hai nền kinh tế lớn thứ ba và thứ tư thế giới là Nhật Bản và Đức cộng lại. Thêm vào đó, thu nhập bình quân đầu người của hơn 170 trên 189 thành viên của IMF dự kiến sẽ giảm trong năm nay.

Trước đó, ngày 8 tháng 4 năm 2020, Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO) cảnh báo cuộc khủng hoảng do dịch Covid-19 trên khắp toàn cầu có nguy cơ khiến thương mại quốc tế trong năm 2020 sụt giảm ở mức kỷ lục. Tác động của cuộc khủng hoảng lần này có thể sẽ vượt xa so với khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009. Theo ước tính, khối lượng giao dịch toàn cầu có thể giảm 13% - 32% trong năm 2020, sau khi đạt mức tăng 2,9% trong năm 2018 và giảm 0,1% trong năm 2019.

Trong nước, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại. Bên cạnh đó, thời tiết những tháng đầu năm không thuận lợi, hạn hán, xâm nhập mặn, mưa đá diễn ra sớm ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng...

Trước tình hình đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp vừa phòng chống dịch bệnh, bảo đảm sức khỏe người dân, vừa phòng chống suy giảm kinh tế và giữ vững ổn định xã hội, nỗ lực phấn đấu cao nhất thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020. Bộ Công Thương cũng đã ban hành và tập trung tổ chức triển khai quyết liệt việc ứng phó với dịch Covid-19 trên tinh thần rất chủ động, quyết liệt đồng bộ cả trong công tác phòng, chống dịch bệnh theo chỉ đạo chung của Ban Chỉ đạo quốc gia và trong công tác triển khai các giải pháp để xử lý khó khăn, vướng mắc nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Tình hình cụ thể như sau:

**I. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

**1. Sản xuất công nghiệp**

Khác với quý I, bước sang tháng 4, toàn bộ nền kinh tế nói chung đều chịu tác động bởi đại dịch Covid-19 cả từ hai phía cung và cầu, trong đó hoạt động sản xuất công nghiệp cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 4 ước tính giảm 13,3% so với tháng 3 và giảm 10,55% so với cùng kỳ năm trước và là mức giảm duy nhất của tháng 4 trong giai đoạn 2016-2020[[1]](#footnote-1). Trong đó ngành khai khoáng giảm 10,7%; ngành chế biến, chế tạo giảm 11,3%; sản xuất và phân phối điện giảm 6,9%; cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 2% so với cùng kỳ năm 2019.

Tính chung 4 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất công nghiệp chỉ tăng 1,8%, là mức tăng thấp nhất trong nhiều năm qua (*năm 2019 tăng 9,2%; năm 2018 tăng 10,7%; năm 2017 tăng 6,6%; năm 2016 tăng 7,4%*).

Có thể nói, dịch Covid-19 đã có những tác động lớn đến lĩnh vực sản xuất của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2020. Sản xuất công nghiệp tăng chậm lại dẫn đến tình trạng “khó khăn kép” thiếu hụt nguyên liệu đầu vào cho sản xuất và khó khăn ở thị trường đầu ra cho xuất khẩu, tiêu thụ hàng hóa.

- Ngành công nghiệp, ngành chế biến, chế tạo chỉ tăng 3% (*4 tháng/2015 tăng 10,1%; 4 tháng/2016 tăng 9,7%; 4 tháng/2017 tăng 9,2%; 4 tháng/2018 tăng 12,9%; 4 tháng/2019 tăng 10,9%*). Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số sản xuất 4 tháng đầu năm giảm sâu hoặc tăng rất thấp so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất xe có động cơ giảm 14,2%; sản xuất đồ uống giảm 13,9%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 10,8%; sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu giảm 9,3%; chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa giảm 8,8%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị giảm 8,2%; sản xuất trang phục giảm 6,3%; sản xuất thiết bị điện giảm 3,6%; sản xuất các sản phẩm khoáng phi kim loại khác giảm 1,8%; sản xuất kim loại giảm 1,7%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 1,3%; dệt tăng 1,4%. Bên cạnh đó, một số ngành công nghiệp có chỉ số sản xuất 4 tháng tăng khá so với cùng kỳ năm trước: Sản than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 16,9%; khai thác quặng kim loại tăng 16,5%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 9,7%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 8,8%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 8,2%...

Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực trong 4 tháng giảm sâu và tăng thấp so với cùng kỳ năm trước như: Bia giảm 24,1%; ô tô giảm 23,8%; xe máy giảm 16,6%; dầu thô khai thác giảm 10,3%; khí hóa lỏng LPG giảm 11,8%; khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 9,8%; vải dệt từ sợi nhân tạo giảm 8,5%; sắt thép thô giảm 7,1%; quần áo mặc thường giảm 5,9%; giày, dép da giảm 4,9%; thép cán giảm 4%; vải dệt từ sợi tự nhiên giảm 1,7%; alumin giảm 0,7%; ti vi tăng 1%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng khá so với cùng kỳ năm trước: Linh kiện điện thoại tăng 28,5%; xăng dầu các loại tăng 13,9%; phân u rê tăng 11,7%; thép thanh, thép góc tăng 7,7%; than sạch tăng 5,5%.

Cụ thể:

+ Ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 0,5% (cùng kỳ tăng 8,4%). Ngành dệt chỉ tăng 1,4% (cùng kỳ tăng 12,1%). Ngành sản xuất trang phục chịu tác động khá lớn khi 4 tháng giảm 6,3%, trong khi cùng kỳ năm 2019 tăng 8,8%. Các doanh nghiệp ngành dệt may và da giày đến nay đã chịu tác động rất lớn bởi dịch Covid-19. Khi nguồn cung nguyên phụ liệu từ Trung Quốc trong quý I bị gián đoạn mới được phục hồi trở lại thì từ 16 tháng 3 tới nay lại đối mặt với nhu cầu sụt giảm nghiêm trọng tại các thị trường lớn như châu Âu, Mỹ, Nhật Bản… do các nước áp dụng các biện pháp nghiêm ngặt để chống dịch. Nhiều đơn hàng bị hủy, hoãn, giãn tiến độ giao hàng và chậm thanh toán làm cho các doanh nghiệp trong ngành gặp nhiều khó khăn.

+ Ngành sản xuất chế biến thực phẩm ước tính tăng 2,5%, tăng thấp hơn cùng kỳ năm trước 5,6 điểm phần trăm; ngành sản xuất đồ uống ước tính giảm 13,95% (cùng kỳ tăng 11,6%). Doanh số bán bia của các doanh nghiệp bị giảm sút mạnh. Lĩnh vực kinh doanh rượu vang và rượu mạnh nhập khẩu cũng chịu tác động rất lớn do ngành du lịch và kinh doanh của các nhà hàng giảm mạnh về doanh thu (nhiều nhà hàng giảm đến 50% - 60% doanh thu so với bình thường). Ngoài ra, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt có hiệu lực ngày 1/1/2020 đã thay đổi thói quen uống rượu, bia của người dân, từ đó ảnh hưởng đến ngành sản xuất đồ uống.

+ Ngành sản xuất xe có động cơ giảm 14,2% (cùng kỳ năm trước tăng 18,6%). Theo dự báo của Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA), lượng tiêu thụ ô tô trong năm 2020 có thể sụt giảm hơn 15% so với dự kiến trước đây của Hiệp hội. Sản lượng ô tô sản xuất tháng 4 ước đạt 6,9 nghìn chiếc, giảm 61,4% so với cùng kỳ. Tính chung 4 tháng đầu năm, sản lượng ô tô sản xuất đạt khoảng 61,4 nghìn chiếc, giảm 23,8% so với cùng kỳ năm trước.

+ Ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ: so với cùng kỳ năm trước, chỉ số sản xuất công nghiệp của ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện giảm 8,8%. Hiện nay, thị trường Hoa Kỳ chiếm 50%, EU chiếm 8% (các thị trường lớn còn lại: Trung Quốc 12%, Nhật Bản 13%, Hàn Quốc 8%) tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ của Việt Nam năm 2019. Tương tự ngành dệt may, da – giày và điện tử, xuất khẩu ngành gỗ của Việt Nam đã và đang chịu nhiều ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh tại Mỹ và châu Âu.

- Ngành khai khoáng giảm 6,8% (4 tháng/2016 giảm 1,6%; 4 tháng/2017 giảm 9,7%; 4 tháng/2018 giảm 1,2%; 4 tháng/2019 bằng cùng kỳ năm trước) chủ yếu do khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm.

Với tác động kép của dịch Covid-19 và giá dầu giảm sâu đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dầu khí. Doanh thu khai thác dầu khí sụt giảm mạnh, nhiều mỏ đứng trước nguy cơ giãn hoặc buộc phải dừng khai thác nếu không có chính sách hỗ trợ kịp thời. Hoạt động của các nhà máy lọc dầu trong nước bị ảnh hưởng nặng nề, lượng tồn kho cao và đối mặt với nguy cơ tank-top (đầy kho) trong thời gian tới. Tính chung 4 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất công nghiệp ngành khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 10,8% (cùng kỳ giảm 4,1%). Sản lượng dầu thô khai thác tháng 4 ước đạt 1 triệu tấn, giảm 11,9% so với cùng kỳ năm 2019; khai thác khí đốt thiên nhiên ước đạt 0,8 tỷ m3, giảm 10,3%; khí hóa lỏng ước đạt 68,9 nghìn tấn, giảm 16,4% so với cùng kỳ. Tính chung 4 tháng đầu năm 2020, sản lượng dầu thô khai thác ước đạt 4,1 triệu tấn, giảm 10,3% so với cùng kỳ năm 2019; khai thác khí đốt thiên nhiên ước đạt 3,2 tỷ m3, giảm 9,8%; khí hóa lỏng ước đạt 278,3 nghìn tấn, giảm 11,8% so với cùng kỳ.

- Ngành sản xuất, phân phối điện tăng 2,9% (*4 tháng/2015 tăng 11,5%; 4 tháng/2016 tăng 11,2%; 4 tháng/2017 tăng 9,3%; 4 tháng/2018 tăng 9,7%; 4 tháng/2019 tăng 9,2%*). Do ảnh hưởng của dịch COVID-19, đặc biệt là khi thực hiện Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ về cách ly xã hội, sản lượng điện thương phẩm có dấu hiệu giảm rõ rệt. Việc giảm phụ tải góp phần giảm áp lực cho ngành điện trong việc đảm bảo điện trong tháng 4. Dù vậy, ngành điện vẫn liên tục cập nhật và dự báo nhu cầu sử dụng điện, đồng thời chuẩn bị các kịch bản khác nhau có tính đến việc nền kinh tế sẽ hồi phục sau dịch bệnh nhằm kịp thời ứng phó trong các tháng nắng nóng sắp tới và đáp ứng nhu cầu sử dụng điện một cách tốt nhất.

Sản lượng điện sản xuất tháng 4 ước đạt 17.861,1 triệu kWh, giảm 9,7% so với tháng trước và giảm 7% so với cùng kỳ. Tính chung 4 tháng đầu năm 2020, sản lượng điện sản xuất ước đạt 71.676,2 triệu kWh, tăng nhẹ 3% so với cùng kỳ năm 2019. Điện thương phẩm tháng 4 ước đạt 16.600 triệu kWh, giảm 2,7% so với tháng 3 và giảm 6,8% so với cùng kỳ. Tính chung 4 tháng đầu năm, điện thương phẩm ước đạt 65.882,3 triệu kWh, tăng 2,7% so với cùng kỳ.

Thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3, Bộ Công Thương đã ban hành văn bản số 2698/BCT-ĐTĐL ngày 16 tháng 4 năm 2020 hướng dẫn triển khai thực hiện giảm giá bán điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện để tháo gỡ khó khăn trong bối cảnh tác động của dịch COVID-19.

Quý II hàng năm là thời gian cao điểm của mùa khô và là thời điểm căng thẳng nhất trong năm về đảm bảo cung cấp điện toàn hệ thống, ngành điện đề ra mục tiêu đảm bảo vận hành an toàn, ổn định hệ thống điện và thị trường điện, đáp ứng nhu cầu điện trong các tháng mùa khô quý II/2020. Các nguồn nhiệt điện than và tuabin khí sẽ được khai thác tối đa theo khả năng cấp nhiên liệu, đồng thời khai thác thủy điện theo nước về, đảm bảo cung cấp nước cho hạ du; huy động nhiệt điện chạy dầu theo phương thức và nhu cầu phụ tải. Đảm bảo cung cấp đủ than cho các nhà máy nhiệt điện, đặc biệt các nhà máy tại Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, Duyên Hải để đáp ứng nhu cầu huy động của hệ thống.

Tăng cường các công tác quản lý vận hành, đảm bảo hành lang tuyến đường dây, đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy lưới điện truyền tải, phục vụ truyền tải cao liên tục trong mùa khô, đặc biệt là hệ thống truyền tải 500 kV Bắc - Nam. Ngoài ra, các đơn vị trong toàn ngành điện chuẩn bị sẵn sàng các phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, đảm bảo an toàn hồ đập và công trình thuỷ điện, đảm bảo an toàn cho vùng hạ du trong mùa mưa, lũ, bão năm 2020.

**II. HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU**

## Tương tự hoạt động công nghiệp, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam trong quý I/2020 chưa bị tác động nhiều bởi đại dịch Covid-19. Dịch bệnh mới chỉ tác động tới hoạt động trao đổi thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc, đặc biệt là đối với nhóm hàng nông, thủy sản. Bước sang quý II, hoạt động thương mại Việt Nam dự kiến phải đối mặt với nhiều thách thức, nhất là nền kinh tế nước ta có độ mở lớn nên chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi tình hình kinh tế quốc tế trước diễn biến của dịch Covid-19 ngày càng phức tạp, khó lường. Việt Nam hiện đã hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế toàn cầu nhờ lĩnh vực sản xuất phát triển mạnh mẽ. Tỷ lệ giao dịch thương mại so với GDP đã tăng lên 300% và nằm trong nhóm các quốc gia có tỷ lệ cao nhất tại châu Á. Có thể thấy, tại thời điểm hiện tại, tác động trực tiếp đối với hoạt động xuất khẩu của Việt Nam ở một số điểm sau:

## *- Thứ nhất, nhu cầu hàng hóa sụt giảm mạnh.*

## + Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 tại các khu vực châu Âu, Hoa Kỳ, ASEAN, Trung Đông chưa được kiểm soát, việc các nước áp dụng các biện pháp hạn chế đi lại sẽ tiếp tục gây ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam trong thời gian tới. Từ tháng 3, toàn cầu bước vào giai đoạn đại dịch với mức độ lây lan nhanh nguy hiểm, Chính phủ các quốc gia đang ban hành những biện pháp kiểm soát dịch bệnh như tạm đóng cửa xuất nhập cảnh, hạn chế tụ tập, mua sắm đông người, hạn chế hoạt động của các Trung tâm thương mại... khiến nhu cầu mua bán hàng tiêu dùng như: dệt may và giày dép, đồ gỗ… tại nhiều thị trường giảm. Hiện tại, xu hướng chính của các đối tác nhập khẩu của Việt Nam thông báo là là hoãn đơn hàng trong tháng 4, 5 và tạm thời chưa đàm phán đơn hàng từ tháng 6 trở đi (thông thường hàng năm, thời gian này đã là thời gian đàm phán cho các đơn hàng cuối năm). Nguyên nhân chủ yếu được các nhà nhập khẩu vận dụng điều khoản Bất khả kháng (Force Majeure) khi nhiều nước yêu cầu đóng cửa các thành phố, thậm chí toàn quốc, người dân được yêu cầu ở nhà. Chính lý do này, đã khiến các mặt hàng như dệt may, da giày, đồ gỗ… đang hứng chịu tác động kép từ dịch Covid-19 do nguồn nguyên liệu sản xuất vừa mới được cải thiện từ đầu tháng 3, nhưng nay lại gặp khó khăn ở thị trường đầu ra, đặc biệt EU và Mỹ là hai thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam.

## + Giảm trong trung hạn do Covid-19 tác động mạnh lên kinh tế toàn cầu, vốn trải qua nhiều khó khăn khi đang ở cuối của 1 chu kỳ tăng trưởng cũng như tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung.

## *- Thứ hai, tác động từ hoạt động giao thương hạn chế*

## Việt Nam cũng như nhiều nước đã hạn chế các chuyến bay quốc tế đi và đến, đồng thời tiến hành giãn cách xã hội. Thêm vào đó, khuyến cáo tránh tiếp xúc cũng ảnh hưởng nghiêm trọng hoạt động giao dịch, làm việc trao đổi của doanh nghiệp Việt Nam và đối tác, đặc biệt đối với các hoạt động giao dịch cần phải có sự trao đổi làm việc trực tiếp.

## *- Thứ ba, hoạt động thông quan hàng hóa khó khăn, tăng thêm thời gian và chi phí.* Thời điểm hiện nay, các nước vẫn cho thực hiện thông quan hàng hóa nhưng tiến độ thông quan chậm do tăng cường kiểm tra, kiểm soát dịch bệnh ở cả hai đầu (xuất và nhập).

## *- Thứ tư, vấn đề nguồn lao động và sức khỏe của doanh nghiệp.* Tình trạng hủy và hoãn đơn hàng nếu kéo dài sẽ khiến nhiều doanh nghiệp đứng trước những khó khăn như: trả lương người lao động, nhà cung cấp, tiền thuê mặt bằng, lãi vay ngân hàng... Khi dịch Covid-19 được kiểm soát, các đơn hàng được nối lại, có thể nhiều doanh nghiệp không thể phục hồi ngay để sản xuất, ảnh hưởng tới nguồn hàng dành cho xuất khẩu.

- *Thứ năm, giá hàng hóa sụt giảm cũng ảnh hưởng nhiều tới hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam*. Trong 4 tháng đầu năm 2020, giá xuất khẩu nhân điều giảm 12,9% so với cùng kỳ năm 2019, cà phê giảm 2,2%, chè giảm 13,1%, hạt tiêu giảm 19%. Trên thị trường thế giới, tính đến ngày 27/4/2020, giá dầu thô WTI đã giảm mạnh 77,3% (tương ứng giảm 53,46 USD/thùng) so với đầu năm 2020, xuống còn 15,72 USD/thùng; đáng chú ý, có thời điểm giá dầu WTI lần đầu tiên xuống âm trong phiên giao dịch 20/4 ở mức -37,63 USD/thùng. Giá dầu thô Brent cũng giảm tới 61,1% (tương ứng 38,44 USD/thùng), xuống còn 24,5 USD/thùng. Nguyên nhân chính là do tác động của dịch Covid-19 khiến nhu cầu dầu toàn cầu suy giảm. Tính đến ngày 27/4/2020, giá nhiều loại hàng hóa khác cũng đang trên đà suy giảm như: Cà phê Robusta trên sàn giao dịch London đã giảm 14,4% so với đầu năm 2020, cao su RSS 3 trên sàn giao dịch Tocom – Nhật Bản giảm 23,4%, ca cao giảm 3,4%, đường giảm 27%...

Có thể nói dịch Covid-19 lây lan mạnh tại nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới từ giữa tháng 3/2020 đến nay đã gây ra sự gián đoạn đối với chuỗi thương mại toàn cầu và ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong tháng 4/2020.

**1. Về xuất khẩu**

## Do lo ngại việc tạm dừng xuất, nhập khẩu ở các thị trường lớn đang có dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nên các doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động xuất, nhập khẩu trong 10 ngày cuối tháng Ba, trong đó Công ty Samsung gần như đã hoàn thành xuất khẩu sản phẩm điện thoại phiên bản mới. Theo ước tính, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 4/2020 ước đạt 19,7 tỷ USD, giảm mạnh 18,4% so với tháng 3/2020 và giảm 3,5% so với cùng kỳ năm 2019. Trong tháng 4/2020, kim ngạch xuất khẩu của khối doanh nghiệp trong nước ước đạt 6,35 tỷ USD, giảm 16,7% so với tháng 3/2020 và giảm 1,4% so với cùng kỳ năm 2019. Kim ngạch xuất khẩu của khối doanh nghiệp FDI cũng giảm 19,1% so với tháng 3/2020 và giảm 4,5% so với cùng kỳ, đạt 13,35 tỷ USD (bao gồm cả dầu thô).

## Trong tháng 4/2020, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các nhóm hàng đều sụt giảm so với tháng 3/2020. Trong đó, nhóm hàng công nghiệp chế biến giảm mạnh nhất, giảm 20% so với tháng trước, ước đạt 16,4 tỷ USD. Sự sụt giảm được thể hiện rõ ở các ngành hàng chính của nhóm hàng công nghiệp chế biến như: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện giảm 10,5% so với tháng 3/2020, đạt 3,3 tỷ USD; điện thoại các loại và linh kiện giảm 37,9%, đạt 3,3 tỷ USD; hàng dệt và may mặc giảm 18,8%, đạt 1,9 tỷ USD; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác giảm 8,3%, đạt 1,8 tỷ USD; giày dép các loại giảm 6,6%, đạt 1,3 tỷ USD; gỗ và sản phẩm gỗ giảm 13,8%, đạt 850 triệu USD...

## Kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản cũng giảm 18,6% so với tháng 3/2020, đạt 247 triệu USD. Trong nhóm này, xuất khẩu dầu thô trong tháng 4/2020 tăng mạnh 26,5% về lượng nhưng giảm 14,1% về kim ngạch so với tháng 3/2020 do giá sụt giảm.

## Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, thủy sản giảm 6,6% so với tháng 3/2020, ước đạt 2,02 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu thủy sản giảm 4,6%; hạt điều giảm 4,2%; cà phê giảm 5%; cao su giảm 18%... Trái lại, mặt hàng rau quả tăng 7,9% so với tháng 3/2020, đạt 390 triệu USD.

## Tính chung 4 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ước đạt 82,94 tỷ USD, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2019 (cùng kỳ tăng 6,5%). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của khối doanh nghiệp trong nước vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng hai con số, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2019, ước đạt 26,45 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) ước đạt 56,49 tỷ USD, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm 2019.

## Tính chung 4 tháng đầu năm, trong khi kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến tăng 6,1% so với cùng kỳ năm 2019, thì kim ngạch xuất khẩu của hai nhóm hàng nông, thủy sản và nhiên liệu khoáng sản lại giảm lần lượt là 5,4% và 15,4%.

## Trong đó, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, thủy sản giảm trong 4 tháng đầu năm 2020 do ảnh hưởng tiêu cực bởi sự bùng phát dịch Covid-19 tại Trung Quốc – thị trường xuất khẩu nông, thủy sản lớn nhất của Việt Nam. Những mặt hàng bị ảnh hưởng nhiều nhất là cao su giảm 31,7% về lượng và 27,5% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2019; kim ngạch xuất khẩu rau quả giảm 8,7%; thủy sản giảm 8,5%. Tuy nhiên, một số mặt hàng nông sản ghi nhận sự tăng trưởng tích cực như: Kim ngạch xuất khẩu hạt điều tăng 5,9%; cà phê tăng 2,2%; sắn và các sản phẩm từ sắn tăng 2,3%.

## Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản giảm 15,4% so với cùng kỳ do kim ngạch xuất khẩu xăng dầu các loại và quặng, khoáng sản giảm mạnh lần lượt là 38,8% và 29,9% so với 4 tháng năm 2019. Trái lại, xuất khẩu dầu thô tăng 25,6% về lượng và 4,8% về kim ngạch. Đáng chú ý, xuất khẩu than đá tăng mạnh 791% về lượng và 801,9% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2019, đạt 281 nghìn tấn, kim ngạch 40 triệu USD.

## 4 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến vẫn ghi nhận sự tăng trưởng ở các mặt hàng chủ lực như: Kim ngạch xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện tăng 1,1% so với cùng kỳ năm 2019; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 28,6%; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng tăng 29,6%; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 10,1%; giày dép các loại tăng 1,3%... Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt và may mặc giảm 5,8%; vải mành, vải kỹ thuật khác giảm 22%; xơ, sợi dệt các loại giảm 11,5%; sắt thép các loại giảm 4,7%...

## Về thị trường hàng hóa xuất khẩu trong tháng 4 với các nước đối tác lớn của Việt Nam đều bị sụt giảm so với tháng trước do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Trong đó, thị trường ASEAN giảm 20% so với tháng 3/2019; Trung Quốc giảm 2,9%; Nhật Bản giảm 9,3%; Hàn Quốc giảm 13,7%; EU giảm 28,6%; Hoa Kỳ giảm 24,1%...

## Tính chung 4 tháng, Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 20,25 tỷ USD, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp đến là thị trường Trung Quốc đạt 13,125 tỷ USD, tăng 26,7%. Thị trường EU đạt 10,75 tỷ USD, giảm 8,1%. Thị trường ASEAN đạt 8,2 tỷ USD, giảm 3,2%. Nhật Bản đạt 6,74 tỷ USD, tăng 10,1%. Hàn Quốc đạt 6,23 tỷ USD, giảm 0,2%.

## 2. Về Nhập khẩu

- Kim ngạch nhập khẩu tháng 4 ước đạt 20,4 tỷ USD, giảm 7,9% so với tháng trước, giảm 2,3% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, khối doanh nghiệp có 100% vốn trong nước đạt kim ngạch nhập khẩu ước đạt 8,9 tỷ USD, giảm 3,3% so với tháng 3/2020, giảm 4,4% so với cùng kỳ; Khối doanh nghiệp FDI nhập khẩu 11,5 tỷ USD, giảm 11% so với tháng 3/2020 và giảm 0,7% so với cùng kỳ.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2020, kim ngạch nhập khẩu cả nước ước đạt 79,89 tỷ USD, tăng 2,1% so với cùng kỳ (cùng kỳ tăng 10,7%). Trong đó, kim ngạch nhập khẩu của khối doanh nghiệp trong nước ước đạt 33,58 tỷ USD, tăng nhẹ 1,1% so với cùng kỳ năm 2019. Kim ngạch nhập khẩu của khối doanh nghiệp FDI ước đạt 46,32 tỷ USD, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm 2019.

- Về cơ cấu hàng hóa nhập khẩu: Kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng cần nhập khẩu (nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất trong nước) trong tháng 4/2020 giảm 8% so với tháng 3/2020, ước đạt 17,98 tỷ USD. Đáng chú ý, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng điện tử giảm khá mạnh so với tháng trước như: Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện giảm 21%, đạt 4 tỷ USD; điện thoại các loại và linh kiện giảm 15,9%, đạt 1 tỷ USD.

Ngoài ra, kim ngạch nhập khẩu vải các loại cũng giảm 6,4% so với tháng 3/2020, đạt 1 tỷ USD; sản phẩm từ chất dẻo giảm 6,9%; sản phẩm hóa chất giảm 3,1%; nguyên phụ liệu dệt, may, da giày giảm 3,7%; thức ăn gia súc và nguyên liệu giảm 15%...

Tuy nhiên, một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng so với tháng 3/2020 như: Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng tăng 8,8%; sắt thép các loại tăng 12,6%; than đá tăng 18,2%...

Tương tự, trong tháng 4/2020, kim ngạch nhập khẩu của nhiều loại hàng hóa trong nhóm hàng cần hạn chế nhập khẩu cũng giảm như: Rau quả giảm 5,2% so với tháng 3/2020 và giảm tới 61,1% so với tháng 4/2019; kim ngạch nhập khẩu phế liệu sắt thép giảm 6,4% so với tháng trước và giảm 41,1% so với tháng 4/2019; ô tô nguyên chiếc dưới 9 chỗ cũng giảm 34% so với tháng trước và giảm 34,9% so với cùng kỳ năm 2019… Lũy kế từ đầu năm 2020 đến hết tháng 4/2020, kim ngạch nhập khẩu của rau quả và ô tô nguyên chiếc dưới 9 chỗ cũng giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019, giảm lần lượt là 41,2% và 32,3%.

Trong 4 tháng đầu năm 2020, nhóm hàng hóa cần nhập khẩu chiếm 88,03% tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu với kim ngạch đạt 70,33 tỷ USD, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện vẫn là mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu đạt kim ngạch cao nhất trong 4 tháng đầu năm 2020, đạt 17,75 tỷ USD, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm 2019. Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng khác cũng tăng như: Điện thoại các loại và linh kiện tăng 12%; sản phẩm hóa chất tăng 20,5%; sản phẩm chất dẻo tăng 14,6%.

Trái lại, kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng phục vụ ngành may mặc và một số ngành khác lại giảm đáng kể trong 4 tháng đầu năm nay như: Vải các loại giảm 10,9%; nguyên phụ liệu dệt, may, da giày giảm 3,2%; thức ăn gia súc và nguyên liệu giảm 16,1%; xăng dầu các loại giảm 40,5%.

*- Về thị trường nhập khẩu:* Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 22,73 tỷ USD, giảm 0,1% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp theo là thị trường Hàn Quốc đạt 15,5 tỷ USD, tăng 2,5%. Thị trường ASEAN đạt 9,86 tỷ USD, giảm 7,8%. Nhật Bản đạt 6,43 tỷ USD, tăng 10,9%. Hoa Kỳ đạt 4,7 tỷ USD, tăng 9,6%. Thị trường EU đạt 4,47 tỷ USD, tăng 8%.

## 3. Cán cân thương mại

Tháng 4, Việt Nam ước tính nhập siêu 700 triệu USD. Tính chung 4 tháng năm 2020, cán cân thương mại tiếp tục xuất siêu 3,04 tỷ USD cao hơn nhiều so với con số thặng dư đạt 983 triệu USD của 4 tháng đầu năm 2019. Trong đó, khối doanh nghiệp FDI xuất siêu 10,17 tỷ USD, trong khi khối doanh nghiệp trong nước lại nhập siêu 7,13 tỷ USD.

Như vậy, sau khi đạt mức tăng trưởng khá tích cực trong quý I/2020, hoạt động thương mại của Việt Nam trong tháng 4/2020 đã bắt đầu chịu tác động mạnh mẽ từ đại dịch Covid-19. Những ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 được dự báo sẽ tác động rõ nét hơn tới hoạt động thương mại của Việt Nam trong quý II/2020 bởi từ giữa tháng 3/2020 đến nay, dịch bệnh đã ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến các thị trường đối tác thương mại lớn của Việt Nam là Mỹ, EU, Nhật Bản. Mặc dù vậy, nếu dịch bệnh được khống chế trong quý II/2020, dự kiến xuất khẩu sẽ tăng trở lại trong nửa cuối năm và tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2020 nhờ nhu cầu tiêu thụ trên thế giới tăng trở lại cộng với những lợi thế cạnh tranh khi Hiệp định EVFTA chính thức có hiệu lực.

*Những yếu tố hỗ trợ xuất khẩu*

- Trên toàn cầu, nhiều nền kinh tế đã tung các gói kích cầu quy mô lớn trước tác động tiêu cực của dịch Covid-19 lên nền kinh tế. Đa phần các nước đều tăng cường chi tiêu tài khoá để đối phó với dịch bệnh, duy trì các hoạt động kinh tế thiết yếu và hỗ trợ người lao động. Tại Việt Nam, Chính phủ và các bộ, ban ngành cũng đã và đang nỗ lực triển khai nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp do tác động của dịch Covid-19.

- Hiện nay, tình hình kiểm soát và khống chế dịch bệnh Covid-19 ở Trung Quốc, Hàn Quốc có kết quả tích cực; các nước khác cũng đang nỗ lực kiểm soát dịch bệnh… do đó, nhu cầu được dự báo sẽ dần tăng trở lại trong thời gian tới.

- Nhiều quốc gia từng bước mở cửa trở lại nền kinh tế trong bối cảnh cuộc chiến chống dịch bệnh Covid-19 vẫn tiếp diễn. Italia sẽ bắt đầu cho phép ngành công nghiệp sản xuất hoạt động trở lại từ ngày 4/5 trong kế hoạch nới lỏng lệnh phong tỏa và mở cửa trường học vào tháng 9. Bỉ cũng công bố kế hoạch mở lại các doanh nghiệp và trường học giữa tháng 5 và nhà hàng là từ ngày 8/6. Còn Ấn Độ, Iran, Israel khởi động lại các doanh nghiệp tại những khu vực có nguy cơ bùng phát Covid-19 thấp. Chính phủ Australia, New Zealand cùng lúc chuẩn bị mở cửa dần nền kinh tế và một số địa phương thận trọng nới lỏng lệnh phong tỏa.

- Ngày 24 tháng 4 năm 2020, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã thông báo kết quả chính thức của đợt rà soát thuế chống bán phá giá lần thứ 15 (POR15) cho giai đoạn từ ngày 1/8/2017 đến 31/7/2018 đối với sản phẩm cá tra, cá basa xuất khẩu của Việt Nam. Theo đó, mức thuế cuối cùng áp cho các doanh nghiệp đã tham gia trả lời bản câu hỏi và hợp tác với DOC là 0,15 USD/kg (tương ứng khoảng 3,8% giá xuất khẩu), giảm đáng kể so với đợt trước (POR14) là 1,37 USD/kg. Các doanh nghiệp không hợp tác sẽ nhận mức thuế 2,39 USD/kg, giữ nguyên so với POR14. Ngoài ra, hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra lớn của Việt Nam vẫn tiếp tục được hưởng mức thuế 0%. Mức thuế chống bán phá giá cho cá tra sang thị trường Hoa Kỳ giảm mạnh. Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này sang một số thị trường cũng có dấu hiệu tăng trưởng khả quan. Đây là thông tin tích cực đối với các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra-basa của Việt Nam trong bối cảnh tình hình dịch bệnh dự kiến sẽ tác động đến ngành nuôi cá trong nước.

- Trong khi dịch Covid-19 khiến các quốc gia thực hiện các biện pháp hạn chế đi lại, ảnh hưởng tới hoạt động xúc tiến thương mại thì kết nối trực tuyến là phương thức hiệu quả giúp doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh giao thương với doanh nghiệp nước ngoài, mở rộng thị trường xuất khẩu. Ngày 21 tháng 4 năm 2020, lần đầu tiên Cục Xúc tiến thương mại - Bộ Công Thương đã phối hợp với Sở Thương mại Khu Tự trị Dân tộc Choang Quảng Tây - Trung Quốc tổ chức Hội nghị giao thương trực tuyến hàng hoá Việt Nam- Trung Quốc (Quảng Tây). Hội nghị có sự kết nối và tham gia của hơn 150 doanh nghiệp hai nước hoạt động trong lĩnh vực nông sản, thực phẩm, trong đó có 35 doanh nghiệp Việt Nam.

- Hiệp định EVFTA dự kiến có hiệu lực trong nửa cuối năm 2020 được kỳ vọng mở ra một cơ hội để thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU trong những tháng cuối năm nay và những năm tới. Theo cam kết của Hiệp định EVFTA, có đến 70% mặt hàng được giảm thuế và EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99,7% số dòng thuế. Đây là lợi thế lớn dành cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

**III. THƯƠNG MẠI NỘI ĐỊA**

Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động thương mại, dịch vụ trong tháng, hoạt động mua sắm hàng hóa, chi tiêu của người tiêu dùng giảm mạnh, nhiều cơ sở lưu trú, ăn uống, lữ hành phải tạm đóng cửa trong thời gian giãn cách xã hội. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 4 ước tính đạt 293,9 nghìn tỷ đồng, giảm 20,52% so với tháng trước và giảm 26% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2019 tăng 10,3%), trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 257,39 nghìn tỷ đồng, giảm 13,45% và giảm 15,31%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 16,8 nghìn tỷ đồng, giảm 50,4% và giảm 64,72%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 88 tỷ đồng, giảm 97,55% và giảm 45,17%; doanh thu dịch vụ khác đạt 19,65 nghìn tỷ đồng, giảm 47,24% và giảm 53,34%.

Tính chung 4 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 1.519,9 nghìn tỷ đồng, giảm 4,27% so với cùng kỳ năm trước. (*Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 4 tháng các năm 2015-2019 lần lượt là: 10,7%; 10%; 10%; 11,3%; 11,9%*).

Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 4 tháng đầu năm ước tính đạt 1.224,45 nghìn tỷ đồng, chiếm 80,56% tổng mức và chỉ tăng 0,41% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Lương thực, thực phẩm tăng 4,48%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình giảm 1,23%; may mặc giảm 4,44%; phương tiện đi lại giảm 6,43%; vật phẩm văn hoá, giáo dục giảm 9,96%. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 4 tháng đầu năm ước tính đạt 143,04 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,41% tổng mức và giảm 23,62% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu du lịch lữ hành 4 tháng ước tính đạt 7,86 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,52% tổng mức và giảm 45,17% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ khác 4 tháng ước tính đạt 144,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,51% tổng mức và giảm 13,22% so với cùng kỳ năm 2019. (*Phụ lục 7*).

**IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI**

Để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong những tháng còn lại, cần tập trung bám sát diễn biến, tình hình, tuyệt đối không chủ quan, chủ động và sẵn sàng các phương án ứng phó kịp thời, hiệu quả với những biến động mới phát sinh và các sự cố có thể xảy ra; quyết liệt hơn nữa trong công tác chỉ đạo, điều hành và phối hợp tốt với các địa phương triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, các nhiệm vụ cụ thể tại Nghị quyết số 02/NQ-CP, các Nghị quyết khác của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là khẩn trương thực hiện Chỉ thị 19/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, bên cạnh việc tiếp tục xử lý các vấn đề cấp bách để vừa phòng chống dịch, vừa thúc đẩy sản xuất kinh doanh, thì yêu cầu đặt ra trong thời gian tới được là cần xây dựng được kế hoạch để thúc đẩy tái cơ cấu trong các lĩnh vực của ngành Công Thương, khôi phục và thúc đẩy phát triển công nghiệp - thương mại trong tình hình mới. Trong đó, Bộ Công Thương tiếp tục tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm sau:

1. Thúc đẩy sản xuất công nghiệp

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp trọng điểm nhằm đóng góp vào tăng trưởng chung của nền kinh tế.

- Khuyến khích các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất các nguyên phụ liệu đầu vào cho một số ngành công nghiệp như dệt may, da - giày (là các ngành phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên phụ liệu nhập khẩu) tăng cường sản xuất, kết nối với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh (đặc biệt là các doanh nghiệp FDI) để đáp ứng một phần nhu cầu nội địa.

- Duy trì ổn định các loại nguyên vật liệu phục vụ sản xuất Việt Nam có lợi thế như cao su, xơ, sợi..., tập trung phát triển các loại vật liệu cơ bản như thép cán nóng, thép chế tạo, vải, các loại vật liệu mới để bảo đảm tự chủ nguồn nguyên vật liệu trong nước, thay thế một phần nguồn nhập khẩu.

- Thu hút các dự án dệt nhuộm lớn để sản xuất sợi, vải đáp ứng yêu cầu xuất xứ của các FTA. Theo đó, Bộ Công Thương chỉ đạo các Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài kết nối mời gọi các nhà đầu tư nước ngoài có kinh nghiệm và công nghệ cao đầu tư vào ngành dệt nhuộm trong nước. Hiệp hội ngành hàng phát huy hơn nữa trong việc mời gọi đầu tư, kết nối với các địa phương vẫn đang đón nhận các dự án đầu tư dệt nhuộm để giới thiệu và thuyết phục các nhà đầu tư nước ngoài.

2. Các giải pháp tháo gỡ khó khăn về thị trường xuất nhập khẩu

(i) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động xúc tiến thương mại

- Bộ Công Thương hướng dẫn các địa phương, Hiệp hội ngành hàng, tổ chức xúc tiến thương mại áp dụng ngay các phương thức xúc tiến thương mại thông qua nền tảng số, trên môi trường thương mại điện tử, khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin như phần mềm ứng dụng trên máy tính và điện thoại di động... trong hoạt động xúc tiến thương mại. Trước mắt, ưu tiên triển khai các hoạt động kết nối giao thương trực tuyến giữa các doanh nghiệp Việt Nam với các đối tác có nhu cầu nhập khẩu; tuyên truyền quảng bá doanh nghiệp và sản phẩm, thương hiệu sản phẩm của Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước và thế giới.

- Tiếp tục tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy xuất nhập khẩu đối với thị trường Trung Quốc, bao gồm: Trao đổi, làm việc với phía Trung Quốc để sớm đẩy nhanh năng lực thông quan hàng hóa qua các cửa khẩu; trao đổi, làm việc với phía Trung Quốc để đảm bảo vận tải giao thương ở biên giới; điều tiết lượng hàng hóa lên cửa khẩu, tránh để ùn tắc nhiều làm tăng chi phí.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống phần mềm quản lý quan hệ khách hàng tích hợp cơ sở dữ liệu doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam (theo nhóm ngành hàng, khu vực địa lý, quy mô, loại hình doanh nghiệp, năng lực sản xuất xuất khẩu, nhu cầu xuất nhập khẩu…) và chia sẻ quyền truy cập hệ thống cho hệ thống các Thương vụ, Trung tâm Xúc tiến thương mại Việt Nam tại nước ngoài để cùng khai thác, sử dụng để tăng cường khả năng kết nối cơ hội kinh doanh, đầu tư.

(ii) Tăng cường phối hợp với hệ thống các Thương vụ, Trung tâm Xúc tiến thương mại Việt Nam ở nước ngoài

Thiết lập cơ chế liên kết bảo đảm trao đổi thông tin thông suốt với các Tham tán thương mại, các Vụ thị trường nước ngoài, các Hiệp hội ngành hàng, Trung tâm Xúc tiến thương mại địa phương và các doanh nghiệp trên cả nước trên các ứng dụng internet như đầu mối tiếp nhận, phản hồi các nhu cầu xuất nhập khẩu của doanh nghiệp Việt Nam và các nước thông qua địa chỉ email, nhóm tương tác trên các ứng dụng Viber, Zalo.

(iii) Đẩy nhanh tiến trình, thủ tục, sớm hoàn thành việc trình phê chuẩn Hiệp định EVFTA. Tập trung hoàn thiện việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn EVFTA để có hiệu lực ngay khi Hiệp định được thực thi. Đẩy mạnh tuyên truyền về EVFTA và cách tận dụng các cơ hội từ EVFTA mang lại. Các Thương vụ, Chi nhánh Thương vụ ở châu Âu tập trung nguồn lực để phát triển thị trường, tìm kiếm các thị trường xuất khẩu, nhập khẩu mới trong bối cảnh EVFTA được thực thi.

(iv) Khẩn trương cơ cấu lại thị trường xuất khẩu theo hướng đa dạng hóa thị trường, không phụ thuộc vào một thị trường, đáp ứng tiêu chuẩn hàng hóa cao về xuất xứ hàng hóa, chỉ dẫn địa lý. Tận dụng triệt để các FTA đã ký kết và có hiệu lực, trong đó có Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã được đưa vào thực thi và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) sắp được phê chuẩn và có hiệu lực (dự kiến trong năm 2020) để thúc đẩy xuất khẩu

- Chuẩn bị các kịch bản và phương án để đẩy mạnh sản xuất, xuất khẩu sang thị trường EU ngay khi kết thúc dịch bệnh, có tính đến việc tận dụng Hiệp định EVFTA để đẩy mạnh xuất khẩu và khôi phục thị trường.

- Đẩy mạnh đơn giản hóa và điện tử hóa các thủ tục hành chính, thủ tục hải quan để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; áp dụng thương mại điện tử, xúc tiến xuất khẩu hàng hóa trên môi trường mạng

- Đẩy nhanh việc triển khai hệ thống trao đổi dữ liệu C/O điện tử trong khuôn khổ Hiệp định VKFTA nhằm giúp giảm chi phí đi lại, giao dịch và tạo thuận lợi nhất cho doanh nghiệp hai Bên trong quá trình giao thương, tận dụng các lợi ích của VKFTA; đẩy nhanh việc triển khai điều khoản cộng gộp nguyên liệu vải có xuất xứ từ Hàn Quốc với Việt Nam trong Hiệp định EVFTA để doanh nghiệp Việt Nam có thể tận dụng lợi ích này ngay khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến thông tin thông qua nhiều hình thức đặc biệt là hình thức online về cam kết của các FTA mà Việt Nam tham gia, đặc biệt là cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ.

3. Phát triển thương mại nội địa

- Bảo đảm đầy đủ thực phẩm và hàng hóa thiết yếu cho người dân. Phối hợp với các địa phương theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả hàng hóa trên thị trường nội địa, đặc biệt là các mặt hàng có thể mất cân đối cung cầu do nhu cầu đột biến từ dịch bệnh để kịp thời có biện pháp điều hành.

- Thực hiện các biện pháp nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thương mại, gắn kết giữa thương mại điện tử với các loại hình hoạt động thương mại truyền thống. Triển khai xây dựng Trục kết nối dịch vụ thương mại điện tử (giai đoạn I), nhằm hỗ trợ các đơn vị cung cấp dịch vụ trực tuyến giới thiệu dịch vụ của mình trên hệ thống này, ngoài ra Trục còn được kết nối với các sàn TMĐT của địa phương nhằm liên kết giới thiệu các sản phẩm của địa phương; xây dựng, vận hành hệ thống truy xuất nguồn gốc giúp doanh nghiệp, hộ kinh doanh có thể khởi tạo mã QR Code, kết nối máy in tem truy xuất; giải pháp quản lý dữ liệu khách hàng trực tuyến cho các cá nhân/đơn vị (CRM giai đoạn 2); xây dựng cổng kết nối sản phẩm xuất khẩu cho hệ thống bán hàng trực tuyến toàn cầu Amazon.

Tổ chức, phối hợp với các sàn thương mại điện tử tại Việt Nam triển khai các chương trình tiêu thụ hàng hoá tại thị trường nội địa thông qua các kênh thương mại điện tử nhằm ứng phó với dịch bệnh Covid-19 và các tình huống khẩn cấp. Phát động phong trào tiêu dùng hàng hoá, nông sản Việt qua thương mại điện tử trên “Gian hàng Việt”.

- Tăng cường kiểm soát, ngăn chặn kịp thời hành vi lợi dụng tình hình dịch bệnh, khan hiếm hàng hóa trên thị trường để mua vét, mua gom, định giá hàng hóa bất hợp lý.

- Xây dựng "Đề án phát triển nền tảng ứng dụng thương mại điện tử" để thúc đẩy kết nối giữa các nhà sản xuất và phân phối trên nền tảng liên kết chặt chẽ về thông tin từ nhà sản xuất đến hệ thống phân phối cùng sự hỗ trợ của Nhà nước./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Kinh tế Trung ương;  - Bộ KHĐT;  - VP TƯ Đảng;  - VP Chính phủ;  - UB Kinh tế của Quốc hội;  - Mạng diện rộng VPCP;  - Lãnh đạo Bộ;  - Đảng uỷ Bộ;  - Các Vụ (qua mạng nội bộ);  - Lưu: VT, KH (14). | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**    **Cao Quốc Hưng** |

1. Tốc độ tăng/giảm chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 4 so với cùng kỳ năm trước các năm giai đoạn 2016-2020: Năm 2016 tăng 7,3%; năm 2017 tăng 10,9%; năm 2018 tăng 5,3%; năm 2019 tăng 9%; năm 2020 giảm 10,5%. [↑](#footnote-ref-1)